

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết  
của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3015/SNN-TCCB ngày 11/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo hướng dẫn tại Công văn số 1388/UBND-KSTT ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng quy trình tin học hóa giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND các

huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm soát TTHC, VP Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Hoàng**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 390 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

**1. Danh mục TTHC mới ban hành**

TT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm sau khi nhận hồ sơ đầy đủ: 10 (mười) ngày làm việc;</li> <li>- Thời hạn cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm sau khi xác nhận đạt yêu cầu: 03 (ba) ngày làm việc.</li> </ul>	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện	30.000 đồng/lần/người	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở SXKD thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;</li> <li>- Thông tư số</li> </ul>	Có

					286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.	
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	<p>- 07 (bảy) ngày làm việc trong trường hợp thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm;</p> <p>- 15 (mười lăm) ngày làm việc trong trường hợp tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.</p>	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện	<p>- Thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm: 700.000 đồng/cơ sở;</p> <p>- Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở.</p>	<p>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở SXKD thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;</p> <p>- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí</p>	Có

					thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 07 (bảy) ngày làm việc trong trường hợp thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm;</li> <li>- 15 (mười lăm) ngày làm việc trong trường hợp tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.</li> </ul>	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm: 700.000 đồng/cơ sở;</li> <li>- Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở SXKD thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;</li> <li>- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.</li> </ul>	Có
4	Cấp lại Giấy chứng nhận	Thời hạn giải quyết sau khi	Phòng Nông	- Thẩm định cấp Giấy	- Thông tư số 38/2018/TT-	Có

	<p>cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm)</p>	<p>nhận hồ sơ đầy đủ: 05 (năm) ngày làm việc.</p>	<p>ng nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện</p>	<p>chứng nhận an toàn thực phẩm: 700.000 đồng/cơ sở; - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở.</p>	<p>BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở SXKD thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.</p>	
--	---	---	--	--	--	--

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
1	T-QBI-285273-TT, thủ tục số 01, Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở SXKD thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	T-QBI-285274-TT, thủ tục số 02, Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	
3	T-QBI-285275-TT, thủ tục số 03, Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)	
4	T-QBI-285276-TT, thủ tục số 04, Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	